

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2019/DS-ST

Ngày: 30-7-2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Quý.
2. Bà Huỳnh Nguyễn Anh Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2310/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2764/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Địa chỉ trụ sở chính: đường M, phường N, quận P, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn D và ông Bùi Xuân Q, cùng địa chỉ: đường Q, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 36108/2018/UQ-NGÂN HÀNG X ngày 20 tháng 12 năm 2018).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Công L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phiên tòa vắng mặt ông D, ông Q, ông L (ông D, ông Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn D và ông Bùi Xuân Q là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 05 tháng 3 năm 2015, Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng X) đồng ý cho ông Huỳnh Công L vay vốn theo Hợp đồng tín dụng và Thông báo cho vay ngày 11 tháng 3 năm 2015. Các nội dung quy định tại Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 05 tháng 3 năm 2015 cùng với Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, Thông báo cho vay, Lịch trả nợ tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh giữa Ngân hàng X và ông L (sau đây gọi chung là hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 3 năm 2015), nội dung này được thỏa thuận tại khoản 1 Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ. Thông báo cho vay có nội dung như sau: Số tiền vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng, tính từ ngày 11 tháng 3 năm 2015, lãi suất cho vay trong hạn: 30%/năm, mục đích vay tiêu dùng, kỳ hạn trả nợ: khách hàng thanh toán số tiền gốc và lãi khoản vay vào ngày 11 hàng tháng theo lịch trả nợ. Đây là hình thức vay vốn tín chấp, không thế chấp tài sản và Ngân hàng X không giữ bất cứ giấy tờ gì của bị đơn.

Cách tính lãi: Bắt đầu tính lãi sau ngày giải ngân 12 tháng 3 năm 2015 dựa trên dư nợ gốc giảm dần qua các lần thanh toán. Lãi trong hạn = Nợ gốc nhân với lãi suất nhân với số ngày quá hạn chia 360 ngày.

Ông L đã thanh toán cho Ngân hàng X 09 lần, cụ thể như sau:

Ngày 18 tháng 4 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.833.945 đồng. Trong đó, thanh toán tiền gốc là 1.518.080 đồng, tiền lãi là 1.315.865 đồng;

Ngày 20 tháng 5 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.840.351 đồng. Trong đó, thanh toán gốc là 1.597.699 đồng, tiền lãi là 1.242.652 đồng;

Ngày 12 tháng 6 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.809.092 đồng. Trong đó, thanh toán tiền gốc là 1.598.571 đồng, tiền lãi là 1.210.521 đồng;

Ngày 11 tháng 7 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.809.747 đồng. Trong đó, thanh toán tiền gốc là 1.677.606 đồng, tiền lãi là 1.132.141 đồng;

Ngày 08 tháng 9 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.958.579 đồng. Trong đó, thanh toán tiền gốc là 1.683.206 đồng, tiền lãi là 1.275.373 đồng;

Ngày 12 tháng 10 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.963.226 đồng. Trong đó, thanh toán tiền gốc là 1.726.689 đồng, tiền lãi là 1.236.537 đồng;

Ngày 30 tháng 11 năm 2015: Ông L đóng số tiền 2.900.000 đồng. Trong đó, thanh toán tiền gốc là 1.804.793 đồng, tiền lãi là 1.095.207 đồng;

Ngày 23 tháng 3 năm 2016: Ông L đóng số tiền lãi 1.000.000 đồng;

Ngày 01 tháng 6 năm 2016: Ông L đóng số tiền lãi là 672.217 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký dẫn đến khoản vay chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2015. Lãi suất quá hạn phát sinh bằng 150% lãi trong hạn theo Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ.

Nay, Ngân hàng X khởi kiện ông Huỳnh Công L yêu cầu:

1. Buộc ông L phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với Hợp đồng tín dụng tổng cộng là: 104.754.968 đồng, trong đó nợ gốc là 38.393.356 đồng, nợ lãi là 66.361.612 đồng.

2. Ngoài ra kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2019 ông L còn phải thanh toán cho Ngân hàng X tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn có đơn đề ngày 11 tháng 7 năm 2019 yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại bản khai đề ngày 30 tháng 7 năm 2019 nộp cho Tòa án nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trình bày trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn

mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng X) khởi kiện bị đơn là ông Huỳnh Công L, cư trú tại đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Công an phường C, Quận 1: Ông Huỳnh Công L, sinh năm 1989 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và thực tế không có cư trú tại địa phương, ông L bỏ đi đâu không rõ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề ngày 11 tháng 7 năm 2019 yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Công L phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tính đến hết ngày 30 tháng 7 năm 2019 đối với Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 11 tháng 3 năm 2015 tổng cộng là 104.754.968 đồng, trong đó nợ gốc là 38.393.356 đồng, nợ lãi là 66.361.612 đồng. Ngoài ra kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2019 ông L còn phải thanh toán cho Ngân hàng X tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Căn cứ Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm hợp đồng tín dụng ngày 05 tháng 3 năm 2015 của ông Huỳnh Công L, Ngân hàng X đã chấp thuận cho ông Huỳnh Công L vay tiền theo hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 11 tháng 3 năm 2015. Các nội dung quy định tại Đơn đề

ngiht mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 05 tháng 3 năm 2015 cùng với Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, Thông báo cho vay, lịch trả nợ tạo thành một bộ hợp đồng hoàn chỉnh giữa Ngân hàng X và ông L (sau đây gọi chung là hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 3 năm 2015). Theo Thông báo cho vay ngày 11 tháng 3 năm 2015 có nội dung như sau: Ngân hàng X cho ông L vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng, lãi suất cho vay trong hạn: 30%/năm, kỳ hạn trả nợ: khách hàng thanh toán số tiền gốc và lãi khoản vay vào ngày 11 hàng tháng theo lịch trả nợ. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng X đã giải ngân cho ông L số tiền vay là 50.000.000 đồng, ông L đã thanh toán cho Ngân hàng X 09 lần tổng cộng số tiền là 21.787.157 đồng, chi tiết việc thanh toán nợ gốc và tiền lãi như phần trên của Ngân hàng X.

[4] Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 12 tháng 7 năm 2015 Ngân hàng X chuyển nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng X yêu cầu ông L thanh toán số tiền nợ gốc tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 là 38.393.356 đồng, yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận tại Điều 5, Điều 9 của Bản điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ của Ngân hàng X và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở chấp nhận. Ông L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X số tiền nợ gốc là 38.393.356 đồng.

[5] Về tiền lãi do chậm thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn tính từ ngày 12 tháng 7 năm 2015 đến thời điểm xét xử ngày 30 tháng 7 năm 2019 tổng cộng là 66.361.612 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Cách tính lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng: Bắt đầu tính lãi sau ngày giải ngân 12 tháng 3 năm 2015 dựa trên dư nợ gốc giảm dần qua các lần thanh toán. Lãi trong hạn = Nợ gốc nhân với lãi suất nhân với số ngày quá hạn chia 360 ngày. Bắt đầu tính lãi quá hạn kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2015. Lãi suất cho vay là 30%/năm (2,5%/tháng), được ghi nhận tại thông báo cho vay ngày 11 tháng 3 năm 2015. Lãi suất quá hạn phát sinh bằng 150% lãi trong hạn là 3,75%/tháng (2,5% x 150%).

Do đó, tổng số tiền lãi ông L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng X tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30 tháng 7 năm 2019 là 66.361.612 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và ông L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng là: 38.393.356 đồng + 66.361.612 đồng = 104. 754.968 đồng.

[6] Về thời hạn thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2015 đến nay. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 3 năm 2015 đã ký kết trên dư nợ gốc kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[8] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

- Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Huỳnh Công L thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 3 năm 2015 là: Nợ gốc là 38.393.356 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 là 66.361.612 đồng, tổng cộng là 104.754.968 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, ông Huỳnh Công L còn phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Công L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.237.748 đồng (Năm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.371.220 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi một nghìn hai trăm hai mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0007255 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Tuyết